



ẢN DỤ Ý NIỆM VỚI MIỀN NGUỒN THỜI TIẾT TRONG TIẾNG VIỆT

NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG *

Tóm tắt: Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định các ẩn dụ ý niệm với miền nguồn là các hiện tượng thời tiết phổ biến trong tiếng Việt cùng sự lý giải cơ chế hình thành nên các ẩn dụ này. Nghiên cứu đã xác định được 9 miền nguồn là 9 hiện tượng thời tiết (bão, mưa, sét, lũ, gió, sương mù, mây, nắng, cầu vồng) tạo nên các biểu thức ẩn dụ. Theo loại hình thời tiết, nghiên cứu xác định được hai ẩn dụ bậc cao là “THỜI TIẾT CỰC ĐOAN LÀ ĐIỀU KHÓ KHĂN VÀ SỰ THÁCH THỨC” và “THỜI TIẾT ĐẸP LÀ ĐIỀU TỐT LÀNH VÀ SỰ LẠC QUAN”. Kết quả nghiên cứu góp phần khẳng định vai trò của ẩn dụ như một phương thức tư duy của con người về thế giới khách quan và cơ chế hình thành nên ẩn dụ gồm sự tương liên về kinh nghiệm và sự tương đồng cấu trúc được cảm nhận.

Từ khóa: Ẩn dụ ý niệm, cơ chế hình thành ẩn dụ ý niệm, thời tiết.

Abstract: The study aims at identifying conceptual metaphors on the source domains of weather in Vietnamese and researching the grounds for these metaphors. The study has identified nine source domains to be nine weather conditions (including storm, rain, thunder, flood, wind, fog, cloud, sun and rainbow) that create metaphorical expressions. As classified by weather

kinds, two general metaphors are found, including “EXTREME WEATHER IS DIFFICULTIES AND CHALLENGES” and “NICE WEATHER IS OPTIMISM AND HOPES”. The research findings affirm that by nature, conceptual metaphors are a means to reflect human thought and cognitive mechanism and they are established on the two grounds of correlations in experience and perceived structural similarity.

Keywords: Conceptual metaphors, mechanism of establishing conceptual metaphors, weather.

1. Dẫn nhập

Thời tiết là một trong những hiện tượng quen thuộc trong đời sống con người. Với một nền văn hóa phụ thuộc nhiều vào nông nghiệp như Việt Nam, thời tiết càng có vai trò đặc biệt quan trọng bởi nó tác động đến năng suất, theo đó ảnh hưởng đến mức sống. “*Trông trời, trông đất, trông mây; Trông mưa, trông nắng, trông ngày, trông đêm*” đã trở thành một thói quen trong ứng xử với thiên nhiên của người Việt Nam. Do

* TS - Trường Đại học Thương mại; Email: phuongntl@tmu.edu.vn

đó cũng dễ hiểu khi kho tàng văn học Việt Nam ghi nhận rất nhiều ca dao, tục ngữ, thành ngữ, văn xuôi, thơ,... có sử dụng các diễn đạt liên quan đến thời tiết; trong giao tiếp thường ngày cũng không khó để tìm ra những câu nói vận dụng các đặc điểm thời tiết để diễn đạt ý nghĩa.

Theo quan điểm truyền thống, ẩn dụ được coi là phép tu từ nhưng dưới lăng kính của ngôn ngữ học tri nhận, ẩn dụ là phương thức phản ánh tư duy của con người về bức tranh thế giới, do đó không chỉ giới hạn trong phạm vi của văn học. Mỗi cách diễn đạt có sử dụng ẩn dụ đều cho thấy cách thức mà con người nhìn nhận thế giới khách quan, vì vậy, việc tìm hiểu về ẩn dụ từ góc độ tri nhận luôn là một điều thú vị để khám phá tư duy của con người.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Ẩn dụ từ góc nhìn của ngôn ngữ học tri nhận

Ngôn ngữ học tri nhận là một bộ môn khoa học liên ngành, ra đời dựa trên thành quả nghiên cứu của một số lĩnh vực khác nhau, bao gồm ngữ pháp tạo sinh (nghiên cứu việc người nói sử dụng cái gì làm hình, cái gì làm nền để diễn đạt thông tin cũ - mới), ngữ dụng học (tìm hiểu tư duy của con người trong sự tri nhận ngôn ngữ diễn ra như thế nào) và từ vựng học (xem xét cách tư duy của con người về từ vựng giữa các ngôn ngữ khác nhau).

Ngôn ngữ học tri nhận cho rằng, ý niệm được hình thành trong ý thức của con người. Ý niệm một mặt bao gồm nội dung thông tin về thế giới khách quan, mặt khác bao gồm những nhân tố làm cho ý niệm trở thành sự kiện của văn hóa. Các ý niệm có cấu trúc trường - chức năng được tổ chức theo mô hình trung tâm và ngoại vi, trong đó khái niệm nằm ở trung tâm mang tính phổ quát,

toàn nhân loại (tức là cách thức con người tư duy về một khái niệm là như nhau); trong khi đó, các đặc thù văn hóa nằm ở ngoại vi mang tính biến thiên văn hóa (tức là có sự khác biệt trong cách thức tư duy và diễn đạt ngôn ngữ của những người đến từ các vùng văn hóa khác nhau). Các đặc thù này biến thiên theo văn hóa dân tộc, văn hóa vùng, văn hóa của nhóm xã hội mà con người tham gia và văn hóa của các cá thể.

Theo quan điểm của ngôn ngữ học tri nhận, ẩn dụ là hiện tượng của ý niệm chứ không phải là hiện tượng của ngôn ngữ (do đó được gọi là ẩn dụ ý niệm - conceptual metaphor). Ẩn dụ giúp hiểu rõ hơn về cách thức con người tư duy về thế giới khách quan chứ không đơn thuần là cách thức tu từ hay biện pháp chuyển nghĩa theo quan điểm truyền thống. Do đó, ẩn dụ được tìm thấy trong các phát ngôn của những người bình thường nhất, trong những ngữ cảnh phổ thông nhất của cuộc sống chứ không phải là cách thức dùng từ chỉ giới hạn ở những người có năng lực ngôn ngữ hay trong các tác phẩm văn học.

Theo Lakoff và Johnson [10], ẩn dụ là “sự ý niệm hóa một miền tinh thần qua một miền tinh thần khác, gọi là sự ánh xạ có hệ thống từ một miền này sang một miền khác nhằm tạo nên một mô hình tri nhận (mô hình ẩn dụ) giúp lĩnh hội miền đích một cách hiệu quả hơn”. Ẩn dụ là cơ chế nhận thức mà qua đó logic của những khái niệm trừu tượng, phức tạp được thay bằng logic của những khái niệm có tính cụ thể, đơn giản hơn nhằm giúp con người có thể thực hiện được những lập luận phức tạp.

Ẩn dụ không chỉ được hình thành dựa trên sự tương đồng giữa hai thực thể được so sánh như quan điểm truyền thống về ẩn dụ (vốn cho rằng ẩn dụ là sự so sánh ngầm) mà chủ yếu được tạo nên dựa trên các kinh

nghiệm của con người. Kövecses [8] cho rằng có 2 nền tảng chính hình thành nên ẩn dụ ý niệm, bao gồm sự tương liên về kinh nghiệm (tức là khi một sự kiện xảy ra dẫn đến một sự kiện khác) và sự tương đồng cấu trúc được cảm nhận (tức là cảm nhận của người nói về hai đối tượng được mang ra so sánh).

Ẩn dụ phản chiếu tư duy của con người về thế giới khách quan, được thể hiện qua mối quan hệ giữa miền nguồn (source domain) và miền đích (target domain). Miền nguồn thường là những khái niệm cụ thể, rõ ràng, dễ nhận biết hoặc đã được ý niệm hóa trong tâm trí của con người còn miền đích là những khái niệm trừu tượng, mơ hồ, chưa rõ nghĩa hoặc còn mới mẻ so với nhận thức của con người. Do đó, việc phóng chiếu qua miền nguồn giúp xây dựng các lược đồ hình ảnh đối ứng, giúp việc hiểu miền đích trở nên dễ dàng hơn [8].

Sự phóng chiếu giữa những yếu tố ở miền nguồn và các yếu tố tương ứng ở miền đích tạo thành sơ đồ ánh xạ (mapping). Một ẩn dụ ý niệm có thể bao gồm một tập hợp các ánh xạ gồm nhiều cặp điểm tương ứng giữa hai miền. Ánh xạ trong ẩn dụ ý niệm có một vài thuộc tính. Thứ nhất, ánh xạ xuất phát từ các trải nghiệm cá nhân và nhận thức của con người trong cuộc sống hàng ngày. Thứ hai, ánh xạ mang tính bộ phận - tức là không phải tất cả thuộc tính của miền nguồn đều được phóng chiếu lên miền đích mà chỉ có một số phương diện của miền nguồn được làm nổi bật và ánh xạ sang miền đích, một số miền khác được làm mờ và che giấu đi. Thứ ba, ánh xạ mang tính đơn hướng, nó chỉ được cấu trúc từ miền nguồn sang miền đích chứ không đi theo chiều ngược lại.

Trong sơ đồ ẩn dụ ý niệm, miền nguồn được cấu trúc sang miền đích theo công

thức A là B, trong đó A là miền nguồn, B là miền đích. Trong nghiên cứu này, chúng tôi cũng xác định và gọi tên các ẩn dụ theo công thức này.

2.2. Khái niệm thời tiết và các phạm trù của thời tiết

Theo *Từ điển tiếng Việt*, thời tiết được định nghĩa là “trạng thái của khí quyển ở một nơi vào một lúc nào đó” [7, tr.1224].

Các hiện tượng thời tiết hầu hết diễn ra trong tầng đối lưu, xảy ra do bị chi phối bởi áp suất không khí từ nơi này tới nơi khác. Các hiện tượng thời tiết chỉ có tính tạm thời và có đặc trưng là biến đổi khá thường xuyên.

Có nhiều hiện tượng thời tiết khác nhau, mỗi hiện tượng lại có những đặc trưng riêng. Một số hiện tượng thời tiết đặc trưng của nước nhiệt đới gồm:

- Bão: gió xoáy trong phạm vi rộng trong một vùng có áp suất không khí giảm xuống rất thấp, thường phát sinh từ biển khơi, có sức phá hoại dữ dội do gió lớn, mưa to. [7, tr.64]
- Mưa: hiện tượng nước rơi từ các đám mây xuống mặt đất. [7, tr.839]
- Sét: hiện tượng phóng điện giữa đám mây và mặt đất, gây tiếng nổ to và có thể làm chết người, đổ cây, cháy nhà. [7, tr.1097]
- Lũ: nước dâng cao ở vùng nguồn, dồn vào dòng sông trong một thời gian tương đối ngắn, do mưa hoặc tuyết tan gây ra. [7, tr.759]
- Gió: hiện tượng không khí trong khí quyển chuyển động thành luồng từ vùng có áp suất cao đến vùng có áp suất thấp. [7, tr.522]
- Sương mù: hơi nước ngưng tụ lại thành hạt màu trắng rất nhỏ bay lơ lửng trong lớp không khí gần mặt đất [7, tr.1126].
- Mây: đám hạt nước hoặc hạt băng nhỏ li ti do hơi nước trong khí quyển ngưng lại, lơ lửng trên bầu trời [7, tr.804].

- Nắng: ánh sáng trực tiếp từ mặt trời chiếu xuống [7, tr.852].

- Cầu vồng: hiện tượng quang học khí quyển, là hình vòng cung gồm nhiều dải sáng, phân biệt đủ bảy màu chính, xuất hiện trên bầu trời phía đối diện với mặt trời (hay mặt trăng), do hiện tượng các tia sáng mặt trời bị khúc xạ và phản xạ qua những giọt nước trong màn mưa hoặc mây mù tạo thành [7, tr.176].

Các hiện tượng thời tiết xảy ra trong cuộc sống hàng ngày, tùy theo mỗi mùa mà thay đổi và trở nên rất quen thuộc trong cuộc sống của mỗi con người.

Sự ảnh hưởng của các hiện tượng thời tiết đến cuộc sống con người - tích cực hoặc tiêu cực - là nền tảng để hình thành ẩn dụ ý niệm, dựa trên sự tương liên về kinh nghiệm và tương đồng cấu trúc cảm nhận.

3. Mục đích và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định các ẩn dụ ý niệm với miền nguồn là các hiện tượng thời tiết phổ biến trong tiếng Việt cùng sự lý giải cơ chế hình thành nên các ẩn dụ này.

Để thực hiện mục tiêu này, chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu tại bàn (desk research) để tìm hiểu cơ sở lý luận có liên quan nhằm tạo nền tảng cho nghiên cứu. Ngữ liệu nghiên cứu được lấy từ nhiều nguồn khác nhau trên Internet và chia thành 2 nhóm: nhóm 1 gồm các tài liệu liên quan trực tiếp đến thời tiết, gồm các bài báo viết về khí hậu và các bản tin dự báo thời tiết; nhóm 2 gồm các tài liệu không chủ đích viết về thời tiết, không giới hạn ở thể loại văn bản, do đó bao gồm văn xuôi, thơ, nhạc, báo chí và cả những câu nói thông thường. Sở dĩ chúng tôi lựa chọn 2 nhóm văn bản này để khảo sát là nhằm củng cố thêm minh chứng cho thấy ẩn dụ ý niệm là hình thức phản ánh

tư duy của con người chứ không đơn thuần là một công cụ tu từ của văn học nghệ thuật. Thời gian thu thập ngữ liệu kéo dài từ tháng 8/2022 đến tháng 11/2022.

Sau khi thu thập ngữ liệu, chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích ý niệm để phân tích các diễn ngôn trong ngữ liệu nghiên cứu, kết hợp với phương pháp miêu tả để miêu tả các ẩn dụ ý niệm. Việc xác định ẩn dụ được thực hiện qua quy trình nhận diện ẩn dụ (Metaphor Identification Procedure) do nhóm Pragglejaz đề xuất, gồm 4 bước: 1) đọc các diễn ngôn trong ngữ liệu nghiên cứu để tìm hiểu nghĩa tổng thể; 2) xác định các từ ngữ có tiềm năng sử dụng ẩn dụ và các từ ngữ có liên quan trong ngữ cảnh; 3) xác định dạng thức của biểu thức có từ ngữ ẩn dụ tiềm năng, đối chiếu vào các miền nguồn để xác định miền nguồn và miền đích, từ đó xác định liệu biểu thức tìm được có phải là biểu thức ẩn dụ hay không; 4) gọi tên biểu thức ẩn dụ.

4. Kết quả nghiên cứu

Sử dụng các phương pháp nghiên cứu kể trên, dựa trên ngữ liệu là các câu nói được tìm thấy trên Internet, đã tìm ra các ẩn dụ ý niệm chia theo 9 miền nguồn gồm các hiện tượng thời tiết quen thuộc, cụ thể như sau:

4.1. Bão

Bão là một hiện tượng thời tiết cực đoan, có khả năng gây ra nhiều thiệt hại cả về người và của. Ở Việt Nam, bão xảy ra khá thường xuyên, đặc biệt là ở khu vực miền Trung, nơi này còn được gọi là “rốn bão”. Trong tâm trí người Việt, bão thường gắn liền với những điều tiêu cực. Do đó, trong các ẩn dụ tìm được, miền đích là những khái niệm/thực thể mang ý nghĩa khó khăn và tiêu cực, bởi vậy có ẩn dụ BÃO LÀ THỜI GIAN KHÓ KHĂN. Ẩn dụ này được tìm thấy rất phổ biến trong ngữ liệu nghiên

cứu, ví dụ tiêu biểu gồm:

(1) Cuộc đời mỗi người, ít nhiều rồi sẽ trải qua những cơn giông bão. Đứng trước giông bão, có người chột thấy cuộc đời bỗng chốc khó khăn, có người lại đón nhận như một thử thách cho bản thân. Cũng có người tin sau những ngày giông bão là những ngày nắng trong.

(2) Nhà là nơi bão táp dừng bên ngoài cánh cửa.

Xuất phát từ trải nghiệm của bản thân với những thay đổi đột biến mà bão gây ra, con người hiển nhiên liên hệ bão với những khó khăn, thách thức mà họ phải đối mặt, khi bão tan là những khó khăn cũng sẽ qua đi.

4.2. Mưa

Mưa cũng là một hiện tượng thời tiết rất quen thuộc trong đời sống hàng ngày, vì thế không khó hiểu khi mưa trở thành một miền nguồn phổ biến trong ẩn dụ ý niệm. Bởi có nhiều cấp độ khác nhau nên cũng có nhiều ý niệm khác nhau được hình thành từ miền nguồn này.

Thứ nhất, MƯA LÀ SỰ ĐAU KHỔ. Mặc dù không phải cơn mưa nào cũng gây ra thiệt hại nhưng có lẽ những trải nghiệm khó chịu mà mưa gây ra cho con người trong cuộc sống hàng ngày là nền tảng cho ẩn dụ ý niệm này.

(3) Sau cơn mưa trời sẽ rạng. Đó là cuộc sống, nỗi đau qua đi, sẽ chỉ còn niềm vui.

(4) Trong mỗi cuộc đời, một vài cơn mưa phải rơi, một số ngày phải tắm tối và thê lương.

Mưa được ánh xạ thành “nỗi đau”, thành sự “tắm tối và thê lương” mà mỗi con người phải trải qua trong cuộc sống. Vượt qua được những đau khổ đó cũng là khi trời tạnh, hạnh phúc và vui vẻ sẽ tới.

Thứ hai, cũng giống như bão, mưa còn được ánh xạ sang thách thức - hình thành

nên ẩn dụ MƯA LÀ THỜI GIAN KHÓ KHĂN, như có thể thấy qua các biểu thức ẩn dụ sau:

(5) Chỉ khi đi qua những ngày mưa mới biết yêu thêm những ngày nắng và chỉ khi vượt qua giông bão con người ta mới hiểu thấu giá trị của những ngày tháng yên bình.

Ẩn dụ này thường xuất hiện trong những câu nói đồng thời đề cập đến giông bão. Đây cũng là điều dễ hiểu bởi chỉ khi mưa xuất hiện ở cấp độ lớn (mưa to và rất to) thì khó khăn mới xảy ra và có khả năng gây thiệt hại về vật chất.

4.3. Sét

Sét không phải là hiện tượng thời tiết quá phổ biến trong đời sống thường ngày, do vậy miền nguồn này không được sử dụng thường xuyên. Đặc điểm nổi bật của sét là nó xảy ra trong thời gian rất ngắn (chỉ tính bằng giây) chứ không kéo dài như các hiện tượng thời tiết khác như mưa, nắng hay gió. Do đó, ẩn dụ ý niệm với miền nguồn sét cũng làm nổi bật đặc trưng này: SÉT LÀ HÀNH ĐỘNG BẤT NGỜ.

(6) Tình yêu sét đánh như một chiếc điện thoại mới đó còn 1%, ngay chớp mắt đã được sạc đầy 100% pin.

(7) Anh từng cho rằng đó là do “lừa gần rơm lâu ngày cũng bén”. Nhưng nghĩ kỹ lại, có biết bao cô gái còn đẹp hơn cô, còn dịu dàng hơn cô, thậm chí còn tình tế hơn cô, vậy mà anh lại chỉ một mực chọn riêng mình cô. Đó căn bản là tiếng sét ái tình, là mối nhân duyên do trời định.

Điều thú vị là trong hầu hết các diễn ngôn không liên quan trực tiếp đến chủ đề thời tiết mà chúng tôi tìm được, sét chủ yếu được dùng để nói về tình yêu thông qua dụ dẫn “tình yêu sét đánh” hoặc “tiếng sét ái tình”. Có lẽ đặc điểm “nhẹ” và “mạnh” của sét đã khiến người Việt có xu hướng dùng các hình ảnh này để phóng chiếu sang

thứ tình yêu đến ngay từ cái nhìn đầu tiên - rất nhanh chóng và mạnh mẽ.

4.4. Lũ

Từ xa xưa, người dân Việt có xu hướng sinh sống dọc theo các con sông, dựa vào phù sa và đánh bắt, nuôi trồng thủy sản để kiếm sống, cuộc sống phụ thuộc nhiều vào mực nước sông. Khi lũ về, nước sông dâng cao, quét trôi hoa màu, bè cá, nhà cửa, để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng. Đây chính là cơ sở hình thành nên ẩn dụ “LŨ LÀ KẼ THÙ” và “LŨ LÀ KẼ CƯỚP”.

(8) *Người dân vùng lũ cũng quen dần với những trận đánh lớn nhỏ của Thủy Tinh, rồi biến nó từ thiên tai trở thành lợi thế cho mình như khai thác nguồn lợi thủy sản tự nhiên, thay đổi cây trồng thích hợp điều kiện nước dâng để cải tạo đất.*

(9) *Ngày 9.6, truyền thông nhà nước Trung Quốc đưa tin mưa lũ hoành hành những ngày qua đã cướp đi sinh mạng của 10 người, khiến hàng trăm nghìn người khác phải di dời và ảnh hưởng tới cuộc sống của gần 2 triệu người dân ở tỉnh Hồ Nam.*

Hai ẩn dụ này hình thành dựa trên sự tương đồng cấu trúc được cảm nhận. Người nói nhìn nhận những hậu quả nghiêm trọng mà lũ gây ra tương tự như hậu quả mà các hành động “ghê gớm” của kẻ thù và kẻ cướp thông qua các “trận đánh”, lũ “hoành hành” và “cướp đi” những tài sản quý báu của người dân, do đó hình thành nên ẩn dụ này. Người đọc cũng qua đó đón nhận thông điệp được truyền tải một cách rõ nét hơn.

4.5. Gió

Gió biểu trưng cho sự chuyển động. Sự di chuyển không ngừng đó khiến miền nguồn này được sử dụng để ánh chiếu sang cuộc đời của “kẻ thích cuộc sống lang thang, nay đây mai đó”, tạo thành ẩn dụ “GIÓ LÀ LÃNG TỬ”, như có thể thấy

trong các biểu thức ẩn dụ sau:

(10) *Gió lang thang, lang thang qua từng con phố, từng ngôi nhà... Gió tự do có thể làm mọi việc mà mình thích.*

(11) *Vì anh là gió nên tìm em đóng lại. Vì anh là gió nên em bắt đầu đón nhận sự cô đơn.*

Kẻ lãng tử thích cuộc sống tự do, phiêu lãng khắp nơi, không bị bó buộc bởi chuyện tình cảm, gia đình. Gió cũng chẳng bao giờ đứng yên. Sự tương đồng trong cảm nhận về hai đối tượng là nền tảng cho tư duy này.

4.6. Sương mù

Sương mù làm giảm tầm nhìn, khiến mọi vật trở nên mờ đi. Trải nghiệm này khiến con người hay sử dụng sương mù để diễn tả những gì khiến họ cảm thấy mơ hồ, tạo thành ẩn dụ “SƯƠNG MÙ LÀ SỰ KHÔNG RÕ RÀNG”.

(12) *Mọi thứ khá là mờ mịt, nhưng tôi không biết phải làm gì... Tôi dễ mất bình tĩnh, dễ khóc, hay quên, đầu óc như trong sương mù.*

Sương mù được ánh chiếu sang cảm giác “không biết phải làm gì” khi “mọi thứ khá là mờ mịt”. Việc sử dụng miền nguồn ngắn gọn này để diễn đạt một cảm giác vốn đã mờ mờ khiến diễn đạt trở nên ngắn gọn, súc tích mà vẫn dễ hiểu đối với người đọc.

Cảm giác không nhìn rõ trong sương mù còn là cơ sở để các nhà khoa học đặt tên cho một căn bệnh mô tả tình trạng “trí nhớ như dễ bị phân tâm, khó theo dõi cuộc trò chuyện và khó tập trung và tham gia vào các công việc hàng ngày” là bệnh sương mù não hay còn gọi là não sương mù (brain fog). Đây là minh chứng rõ ràng nhất cho việc ẩn dụ có mặt ở khắp mọi nơi trong cuộc sống của chúng ta.

(13) *Một số bệnh nhân mô tả “sương mù*

não” khiến họ cảm thấy đầu óc mụ mẫm trong suy nghĩ, như thể một làn sương mù không thể xuyên thủng ngăn chặn khả năng tiếp cận suy nghĩ.

4.7. Mây

Mây không tác động đáng kể tới kiểu hình thời tiết, mà các kiểu hình thời tiết khác nhau tạo nên các đám mây với hình dạng, tốc độ trôi và màu sắc khác nhau. Do đó, miền nguồn mây tạo thành hai ẩn dụ trái ngược, MÂY ĐEN LÀ SỰ TẮM TỐI và MÂY XANH LÀ SỰ BÌNH YÊN.

(14) Một số người chỉ như đám mây đen trong cuộc đời bạn. Họ mang mưa tới và khi đi khỏi rồi bầu trời nhất định sẽ lại trong xanh.

(15) Có vài người giống hệt mây đen. Ngày nào không thấy họ, thì đấy hẳn là ngày đẹp trời.

Mây đen báo hiệu cho một ngày mưa bão - thứ thời tiết mà hầu như không mấy ai mong muốn, do đó được ánh chiếu sang những điều tiêu cực và khó khăn; ngược lại, bầu trời đầy mây xanh cho thấy một ngày đẹp trời, do đó được ánh chiếu sang những điều tích cực và vui vẻ.

4.8. Năng

Với ánh sáng và độ ấm của mình, năng trong suy nghĩ của con người thường biểu trưng cho những gì ấm áp và tươi sáng. Ánh nắng đến, xua tan đi sự lạnh lẽo và tối tăm của bóng đêm, mang lại cho con người cảm giác phấn chấn hơn, vui vẻ hơn. Sự liên hệ này chính là cơ sở để hình thành nên ẩn dụ “NĂNG LÀ SỰ LẠC QUAN”.

(16) Không bao giờ bỏ cuộc. Hôm nay thật khó khăn, ngày mai sẽ tồi tệ hơn, nhưng ngày mốt sẽ là nắng.

(17) Nếu muốn thấy được ánh nắng mặt

trời thì trước đó phải học cách vượt qua bão giông.

Năng cũng là dấu hiệu của một ngày mới. Khi mặt trời ló rạng, đêm sẽ dần qua đi. Ánh nắng của mặt trời thay thế cho màn đêm, sự tương liên kinh nghiệm này là nền tảng của ẩn dụ “NĂNG LÀ SỰ KHỎI ĐẦU”:

(18) Chỉ buồn chỉ khóc hết đêm nay thôi. Mai thì thôi nhé. Bất cứ điều gì cũng có thể bắt đầu lại. Sau đêm đen sẽ là ánh sáng mặt trời.

Nhưng ở góc độ ngược lại, xuất phát từ thực tế năng gắt có thể gây mệt mỏi, dẫn đến say nắng nên người Việt còn sử dụng cả miền nguồn say nắng để diễn tả trạng thái “cảm xúc xuất hiện chớp nhoáng, thường không sâu sắc và cũng nhanh chóng qua đi sau một khoảng thời gian không gặp nhau”, cũng giống như căn bệnh cảm nắng, khiến thần kinh người bệnh choáng váng, nhưng không phải là một căn bệnh mãn tính kinh niên không thể chữa khỏi.

(19) Tình cảm sợ nhất là khi say nắng. Không phải yêu, chỉ là thích. Người đến nhanh, ra đi cũng vội.

4.9. Cầu vồng

Cầu vồng là “sự tán sắc ánh sáng mặt trời khi khúc xạ và phản xạ qua các giọt nước mưa”. Đây không hẳn là một hiện tượng thời tiết nhưng xảy ra như hệ quả của một hiện tượng khác - mưa. Cầu vồng nhìn bằng mắt thường thường có màu sắc sặc sỡ, lại xuất hiện sau cơn mưa nên thường được coi là điềm lành không chỉ ở Việt Nam mà ở nhiều nền văn hóa khác. Đây chính là minh chứng cho tính phổ quát của ẩn dụ với vai trò của một công cụ tư duy: con người dù sinh sống ở miền văn hóa nào nhưng vẫn có chung một cấu tạo cơ thể, do đó cách nhìn nhận sự vật

hiện tượng cũng có sự tương đồng. Trong khối ngữ liệu nghiên cứu, chúng tôi xác định được ẩn dụ “CẦU VÒNG LÀ ĐIỀU TỐT LÀNH”.

(20) *Em đừng lo! Hạnh phúc chờ em cuối con đường đau khổ, như vẫn tồn tại cầu vòng sau những cơn mưa.*

(21) *Mỗi khi trời mưa, anh đều muốn gọi em là cầu vòng bởi vì có em, thế giới của anh lúc nào cũng rực rỡ.*

5. Kết luận

Thời tiết là một hiện tượng tự nhiên gần gũi, thân quen trong cuộc sống của con người. Do đó, trong diễn đạt, con người sử dụng rất nhiều diễn ngôn liên quan đến các hiện tượng thời tiết. Khảo sát ngữ liệu nghiên cứu, chúng tôi xác định được 9 miền nguồn thời tiết xuất hiện trong các ẩn dụ ý niệm tiếng Việt.

Nhìn lại các biểu thức ẩn dụ được tìm thấy, chúng tôi nhận ra rằng về mặt tổng quát, có thể tạm chia các ẩn dụ thời tiết thành 3 nhóm. Nhóm 1 gồm các hiện tượng thời tiết cực đoan gồm bão, lũ, mưa, sét, sương mù; nhóm 2 gồm các hiện tượng được coi là tích cực với nắng, cầu vồng và nhóm 3 trung lập gồm mây, gió. Miền nguồn là các hiện tượng thời tiết cực đoan thường được ánh xạ sang những điều tiêu cực như khó khăn, thách thức, kẻ thù, kẻ cướp, sự không rõ ràng; tạo thành ẩn dụ bậc cao “THỜI TIẾT CỰC ĐOAN LÀ ĐIỀU KHÓ KHĂN VÀ SỰ THÁCH THỨC”. Trong khi nhóm các hiện tượng thời tiết đẹp có những ánh xạ tích cực như lạc quan, hy vọng, sự khởi đầu; hình thành nên ẩn dụ “THỜI TIẾT ĐẸP LÀ ĐIỀU TỐT LÀNH VÀ SỰ LẠC QUAN”. Cơ chế hình thành cặp ẩn dụ này là sự tương liên về kinh nghiệm và tương đồng cấu trúc được cảm nhận, như đã được khẳng định trong nghiên cứu của Kövecses.

Các biểu thức ẩn dụ được tìm thấy trong cả hai nhóm ngữ liệu gồm các tài liệu mang tính nghệ thuật như văn, thơ, nhạc và các diễn ngôn thông thường, trong cả các tài liệu về thời tiết lẫn các tài liệu không liên quan đến chủ đề này. Điều này một lần nữa cho thấy ẩn dụ là cơ chế nhận thức của con người về thế giới khách quan chứ không đơn thuần là một công cụ tu từ giới hạn trong phạm vi nghệ thuật. Do đó, việc tìm hiểu về ẩn dụ ý là việc phân tích cách thức tư duy của con người về các sự vật, hiện tượng trong cuộc sống và vì thế, ẩn dụ ý niệm đã, đang và sẽ tiếp tục là một chủ đề thu hút sự quan tâm của các nhà ngôn ngữ học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Văn Cơ, *Ngôn ngữ học tri nhận - Ghi chép và suy nghĩ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007.
- [2] Trần Văn Cơ, “Nhận thức, tri nhận - Hai hay một (Tìm hiểu thêm về ngôn ngữ học tri nhận)”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 7, tr.19-23, 2007.
- [3] Lý Toàn Thắng, *Ngôn ngữ học tri nhận - Từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005.
- [4] Lý Toàn Thắng, *Ngôn ngữ học tri nhận - Những nội dung quan yếu*, Giáo trình sau đại học, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2015.
- [5] Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999.
- [6] Lê Quang Thiêm, “Về khuynh hướng ngữ nghĩa học tri nhận”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 11 (210), tr.6-19, 2006.
- [7] Viện Ngôn ngữ học, Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2011.
- [8] Kövecses, Z., *Metaphor: A Practical Introduction*, 2nd edition, Oxford University Press, New York, 2010.
- [9] Lakoff, G. and Johnson, M., *Metaphors We Live By*, University of Chicago Press, Chicago, 2003.
- [10] Lakoff, G. and Johnson, M., “The Metaphorical Structure of the Human Conceptual System”, *Cognitive Science*, Vol.4, pp.195-208, 1980.